SỞ Y TẾ NGHỆ AN **BỆNH VIỆN UNG BƯỚU** Số: 3601 /QĐ-BVUB	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Nghệ An, ngày 19 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung ứng các mặt hàng hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế lần 1 năm 2027 tại Bệnh viện Ung bướu Nghệ An thuộc Dự toán mua sắm: Cung ứng các mặt hàng hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế năm 2027 tại Bệnh viện Ung bướu Nghệ An

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN UNG BƯỚU NGHỆ AN

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/08/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 3300/QĐ-BVUB ngày 02/11/2026 của Giám đốc Bệnh viện Ung bướu Nghệ An về việc phê duyệt danh mục, giá kế hoạch của Gói thầu cung ứng các mặt hàng hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế bổ sung lần 1 năm 2026 tại Bệnh viện Ung bướu Nghệ An (gồm 25 phần/lô, 25 mặt hàng);

Căn cứ Quyết định số 3377/QĐ-BVUB ngày 06/11/2026 của Giám đốc Bệnh viện Ung bướu Nghệ An về việc phê duyệt dự toán và bố trí nguồn vốn mua sắm Gói thầu cung ứng các mặt hàng hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế bổ sung lần 1 năm 2026 tại Bệnh viện Ung bướu Nghệ An (gồm 25 phần/lô, 25 mặt hàng);

Căn cứ Biên bản họp số 34/BB-HĐHCVT ngày 10/11/2026 của Hội đồng lựa chọn danh mục; yêu cầu về tính năng, yêu cầu kỹ thuật; giá kế hoạch của gói thầu mua sắm các mặt hàng hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế và hàng hóa khác tại Bệnh viện Ung bướu Nghệ An về việc kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung

ứng các mặt hàng hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế lần 1 năm 2027 tại Bệnh viện Ung bướu Nghệ An thuộc Dự toán mua sắm: Cung ứng các mặt hàng hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế năm 2027 tại Bệnh viện Ung bướu Nghệ An;

Theo đề nghị của Phòng Hóa chất – Vật tư y tế tại Tờ trình số 52/TTr-HCVT.ĐT ngày 06/11/2026 về việc trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung ứng các mặt hàng hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế lần 1 năm 2027 tại Bệnh viện Ung bướu Nghệ An thuộc Dự toán mua sắm: Cung ứng các mặt hàng hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế năm 2027 tại Bệnh viện Ung bướu Nghệ An.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung ứng các mặt hàng hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế lần 1 năm 2027 tại Bệnh viện Ung bướu Nghệ An thuộc Dự toán mua sắm: Cung ứng các mặt hàng hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế năm 2027 tại Bệnh viện Ung bướu Nghệ An, với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Giao Tổ Chuyên gia đấu thầu, Tổ Thẩm định đấu thầu cung ứng hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế, Phòng Hóa chất – Vật tư y tế, Tổ tham mưu tổng hợp – Phòng Hành chính quản trị và các khoa phòng, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm: Tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Phòng Hóa chất – Vật tư y tế và các khoa phòng, tổ chức, cá nhân tại Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Ban Giám đốc;
- Phòng TCKT, KHTH;
- Tổ tham mưu tổng hợp;
- Lưu: VT, P.HC-VTYT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH NGHỆ AN
BỆNH VIỆN UNG BƯỚU NGHỆ AN

Phạm Vĩnh Hùng

Phụ lục I

NỘI DUNG KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU CUNG ỨNG CÁC MẶT HÀNG HÓA CHẤT, VẬT TƯ XÉT NGHIỆM, THIẾT BỊ Y TẾ LẦN 1 NĂM 2027 TẠI BỆNH VIỆN UNG BƯỚU NGHỆ AN THUỘC DỰ TOÁN MUA SẮM: CUNG ỨNG CÁC MẶT HÀNG HÓA CHẤT, VẬT TƯ XÉT NGHIỆM, THIẾT BỊ Y TẾ NĂM 2027 TẠI BỆNH VIỆN UNG BƯỚU NGHỆ AN

(Kèm theo Quyết định số 3601 */QĐ-BVUB ngày* 19 */* 11 */2026 của Bệnh viện Ung bướu Nghệ An)*

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (VND)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
1	Bệnh viện Ung bướu Nghệ An	Gói thầu cung ứng các mặt hàng hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế lần 1 năm 2027 tại Bệnh viện Ung bướu Nghệ An (gồm 25 phần/lô, 25 mặt hàng)	Mua sắm các mặt hàng hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế năm 2027 cho Bệnh viện Ung bướu Nghệ An	1.907.722.360	+ Nguồn thu từ dịch vụ khám chữa bệnh do quỹ bảo hiểm y tế chi trả và từ người bệnh chi trả; + Nguồn thu hợp pháp khác (nếu có); của Bệnh viện Ung bướu Nghệ An năm 2027	Chào giá trực tuyến rút gọn. Lựa chọn nhà thầu trong nước, đấu thầu qua mạng		45 ngày	Quý IV/2026	Hợp đồng theo đơn giá cố định	Thời gian thực hiện gói thầu cho từng phần là 03 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Không áp dụng
Tổng giá gói thầu: 1.907.722.360 đồng *(Một tỷ, Chín trăm linh bảy triệu, Bảy trăm hai mươi hai nghìn, Ba trăm sáu mươi đồng)*												

Phụ lục II

DANH MỤC, GIÁ TRỊ TỪNG PHẦN GÓI THẦU CUNG ỨNG CÁC MẶT HÀNG HÓA CHẤT, VẬT TƯ XÉT NGHIỆM, THIẾT BỊ Y TẾ LẦN 1 NĂM 2027 TẠI BỆNH VIỆN UNG BƯỚU NGHỆ AN (GỒM 25 PHẦN/LÔ, 25 MẶT HÀNG)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVUB ngày / /2026 của Bệnh viện Ung bướu Nghệ An)

STT mặt hàng	Phần/lô (Mã Hàng hóa)	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật (Thông số kỹ thuật)	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	ĐVT	Đơn giá kế hoạch (VND)	Số lượng mua sắm	Thành tiền mua sắm (VND)
1	CG201	Chai cấy máu	Chai cấy máu cấu tạo bằng polycarbonate chứa môi trường và hạt polime hấp phụ, phát hiện vi khuẩn hiếu khí và kị khí tùy tiện từ máu và dịch vô khuẩn của cơ thể. Tương thích sử dụng trên máy phát hiện vi khuẩn tự động (Máy cấy máu) BacT/ALERT 3D60 của hãng BioMerieux - Mỹ	410851	Không yêu cầu	BioMerieux Inc	Mỹ	Năm 2025 trở về sau	mL	3.780	12.000	45.360.000
2	CG202	Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học mức 1, mức 2, mức 3	Kiểm soát ít nhất 41 thông số báo cáo sau: WBC, NRBC#, NRBC%, RBC, HGB, HCT, MCV, MCH, MCHC, RDW-SD, RDW-CV, PLT, PDW, MPV, P-LCR, PCT, NEUT#, LYMPH#, MONO#, EOSIN#, BASO#, NEUT%, LYMPH%, MONO%, EOSIN%, BASO%, IG#, IG%, MicroR, MacroR, RET#, RET%, IRF, LFR, MFR, HFR, RET-He, RBC-He, HYPO-He, HYPER-He, PLT-O. Thành phần ít nhất bao gồm tế bào hồng cầu, tế bào bạch cầu người, hồng cầu nhân và tiểu cầu. Bộ chất chuẩn gồm có 3 mức nồng độ : mức 1, mức 2, mức 3, trong đó chỉ số RET% phải đảm bảo đạt ít nhất 2 mức nồng độ khác nhau. Tương thích sử dụng trên hệ thống phân tích xét nghiệm huyết học hoàn toàn tự động XN-3000 của hãng Sysmex- Nhật Bản và máy phân tích huyết học XN-2000 của hãng Sysmex Corporation- Nhật Bản.	720017821; 720017816; 720017819	Không yêu cầu	Streck	Mỹ	Năm 2025 trở về sau	mL	1.116.650	90	100.498.500
3	CG203	Cóng phản ứng dùng trên hệ thống máy đông máu tự động	Cóng phản ứng dùng trên hệ thống máy đông máu tự động. Dạng nhựa rắn 4 cóng liền khối trên một thanh. Thể tích ≥ 600 µL. Chất liệu: nhựa polystyrene. Tương thích sử dụng trên máy xét nghiệm đông máu tự động ACLTOP 300 CTS của hãng Instrumentation Laboratory- Mỹ	0029400100	Không yêu cầu	Sunrise Technologies SA	Tây Ban Nha	Năm 2025 trở về sau	Cái	4.032	24.000	96.768.000
4	CG204	Dung dịch Giemsa	Thuốc nhuộm Giemsa dùng để nhuộm các mẫu máu, tủy xương. Thành phần bao gồm: Methanol, Giemsa. Đạt tối thiểu 01 CFS quy định tại ghi chú (1).	RRSP54-E	Không yêu cầu	Atom Scientific	Anh	Năm 2025 trở về sau	Lít	1.680.000	18	30.240.000
5	CG205	Formol trung tính 10%	Thành phần: Formaldehyde; Methyl alcolhol; Sodium phophate dibasic; Sodium phophate monobasic. Đạt tối thiểu 01 CFS quy định tại ghi chú (1).	5735SS	Không yêu cầu	Richard Allan Scientific	Mỹ	Năm 2025 trở về sau	Lít	130.000	1.000	130.000.000
6	CG206	Hóa chất định lượng Albumin	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng albumin. Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương. Tương thích sử dụng trên máy phân tích sinh hóa AU680 của hãng Beckman Coulter-Mỹ.	OSR6102	Không yêu cầu	Beckman Coulter Ireland Inc.	Ai-len	Năm 2025 trở về sau	Test	767	19.840	15.217.280
7	CG207	Hóa chất định lượng kháng nguyên CA 19-9	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng kháng nguyên CA 19-9. Dải đo bao trùm lên khoảng từ 0,8-2.000 U/mL. Thành phần: các hạt thuận từ phủ kháng thể kháng biotin đa dòng, liên hợp photphatase kiềm- kháng thể kháng kháng nguyên CA 19-9 đơn dòng, liên hợp biotin-kháng thể kháng kháng nguyên CA 19-9 đơn dòng, dung dịch đệm protein. Tương thích sử dụng trên máy phân tích miễn dịch DXI 800 của hãng Beckman Coulter- Mỹ.	387687	Không yêu cầu	Beckman Coulter, Inc.	Mỹ	Năm 2025 trở về sau	Test	92.978	800	74.382.400
8	CG208	Hóa chất định lượng T3 toàn phần	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng T3 (triiodothyronine) toàn phần. Dải đo bao trùm lên khoảng từ 0,1-8,0 ng/mL. Thành phần: liên hợp photphatase kiềm-kháng thể kháng T3 đơn dòng, các hạt thuận từ phủ streptavidin trong dung dịch đệm có protein, chất tương tự T3 được liên kết với biotin trong dung dịch đệm có protein, dung dịch NaOH, dung dịch HCl. Tương thích sử dụng trên máy phân tích miễn dịch DXI 800 của hãng Beckman Coulter- Mỹ.	33830	Không yêu cầu	Beckman Coulter, Inc.	Mỹ	Năm 2025 trở về sau	Test	31.637	6.400	202.476.800

STT mặt hàng	Phần/lô (Mã Hàng hóa)	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật (Thông số kỹ thuật)	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	ĐVT	Đơn giá kế hoạch (VND)	Số lượng mua sắm	Thành tiền mua sắm (VND)
9	CG209	Hóa chất định lượng T4 tự do	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng thyroxine tự do. Dải đo bao trùm lên khoảng từ 0,25-6,0 ng/dL. Thành phần: các hạt thuận từ phủ streptavidin trong dung dịch đệm có protein, dung dịch muối đệm có protein, chất cộng hợp triiodothyronin-photphatase kiềm trong dung dịch đệm có protein, kháng thể kháng thyroxine (T4) đơn dòng được liên kết với biotin trong dung dịch đệm có protein. Tương thích sử dụng trên máy phân tích miễn dịch DXI 800 của hãng Beckman Coulter- Mỹ.	33880	Không yêu cầu	Beckman Coulter, Inc.	Mỹ	Năm 2025 trở về sau	Test	25.326	6.100	154.488.600
10	CG210	Hóa chất định lượng TSH	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng TSH. Dải đo bao trùm lên khoảng từ 0,005 - 50,0 µIU/mL. Thành phần: các hạt thuận từ phủ kháng thể kháng TSH, dung dịch đệm, liên hợp photphatase kiềm -kháng thể kháng TSH đơn dòng. Tương thích sử dụng trên máy phân tích miễn dịch DXI 800 của hãng Beckman Coulter- Mỹ.	B63284	Không yêu cầu	Beckman Coulter, Inc.	Mỹ	Năm 2025 trở về sau	Test	25.321	6.500	164.586.500
11	CG211	Hóa chất đo thời gian prothrombin (PT)	Sử dụng để xác định thời gian prothrombin (PT). Bao gồm: Hóa chất dạng bột khô chứa yếu tố mô người tái tổ hợp, phospholipid tổng hợp, canxi clorua. Tương thích sử dụng trên máy xét nghiệm đông máu tự động ACLTOP 300 CTS của hãng Instrumentation Laboratory- Mỹ	0020002950	Không yêu cầu	Instrumentation Laboratory Company	Mỹ	Năm 2025 trở về sau	mL	70.539	320	22.572.480
12	CG212	Hóa chất đo thời gian Thromboplastin hoạt hóa từng phần (APTT)	Sử dụng để xác định thời gian Thromboplastin hoạt hóa từng phần (APTT). Dạng lỏng. Thành phần: thuốc thử APTT chứa silica keo, phospholipid tổng hợp, đệm và chất bảo quản. Tương thích sử dụng trên máy xét nghiệm đông máu tự động ACLTOP 300 CTS của hãng Instrumentation Laboratory- Mỹ	0020006300	Không yêu cầu	Instrumentation Laboratory Company	Mỹ	Năm 2025 trở về sau	mL	57.540	680	39.127.200
13	CG213	Hóa chất pha loãng dùng cho máy huyết học	Thành phần: Sodium chloride 0,7%, Đệm Tris 0,2%. Độ ổn định sau mở nắp: 60 ngày. Thùng: ≥ 20L. Tương thích sử dụng trên hệ thống phân tích xét nghiệm huyết học hoàn toàn tự động XN-3000 của hãng Sysmex- Nhật Bản và máy phân tích huyết học XN-2000 của hãng Sysmex Corporation- Nhật Bản.	ZPPCT661628	Không yêu cầu	Sysmex Asia Pacific Pte Ltd	Singapore	Năm 2025 trở về sau	Lit	155.000	700	108.500.000
14	CG214	Hóa chất xác định nồng độ huyết sắc tố trong mẫu máu	Sử dụng để xác định nồng độ hemoglobin trong máu. Thành phần: Sodium lauryl sulfate 1,7 g/L. Tương thích sử dụng trên hệ thống phân tích xét nghiệm huyết học hoàn toàn tự động XN-3000 của hãng Sysmex- Nhật Bản và máy phân tích huyết học XN-2000 của hãng Sysmex Corporation- Nhật Bản.	P90411317	Không yêu cầu	Sysmex Asia Pacific Pte Ltd	Singapore	Năm 2025 trở về sau	mL	3.850	25.500	98.175.000
15	CG215	Hóa chất xét nghiệm định lượng ProGRP	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng ProGRP. Mẫu đo: huyết thanh, huyết tương. Dải đo bao trùm lên khoảng 3 - 5000 pg/mL.Thành phần: kháng thể đơn dòng kháng ProGRP. Tương thích sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động Cobas 6000 e601 của hãng Roche-Hitachi-Nhật Bản.	09007636190	Không yêu cầu	Roche Diagnostics GmbH	Germany	Năm 2025 trở về sau	Test	128.283	500	64.141.500
16	CG216	Hóa chất xét nghiệm định lượng T3 toàn phần	Hóa chất dùng để định lượng triiodothyronine (T3) toàn phần trong huyết thanh và huyết tương người. Mẫu đo: Huyết thanh, huyết tương. Dải đo bao trùm lên khoảng 0,3 - 10 nmol/L. Thành phần: kháng thể đa dòng kháng T3, T3 đánh dấu biotin. Tương thích sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động Cobas 6000 e601 của hãng Roche-Hitachi-Nhật Bản.	09007725190	Không yêu cầu	Roche Diagnostics GmbH	Germany	Năm 2025 trở về sau	Test	26.923	3.400	91.538.200
17	CG217	Hóa chất xét nghiệm định lượng thyroxine tự do	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng thyroxine (T4) tự do trong huyết thanh và huyết tương. Dải đo bao trùm lên khoảng: 0,5 - 100 pmol/L. Thành phần: kháng thể đơn dòng kháng T4, T4 đánh dấu biotin. Tương thích sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động Cobas 6000 e601 của hãng Roche-Hitachi-Nhật Bản.	09043276190	Không yêu cầu	Roche Diagnostics GmbH	Germany	Năm 2025 trở về sau	Test	28.269	6.100	172.440.900
18	CG218	Hóa chất xét nghiệm định lượng TSH	Hóa chất dùng để định lượng thyrotropin trong huyết thanh và huyết tương người. Dải đo bao trùm lên khoảng: 0,005 - 100 µIU/mL. Thành phần: kháng thể đơn dòng kháng TSH. Tương thích sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động Cobas 6000 e601 của hãng Roche-Hitachi-Nhật Bản.	08429324190	Không yêu cầu	Roche Diagnostics GmbH	Germany	Năm 2025 trở về sau	Test	26.923	5.000	134.615.000
19	CG219	Keo dán lam kính	Keo dán lam kính loại khô nhanh. Thành phần: Toluene, Acrylic Resin, Isobutyl methacrylate. Đạt tối thiểu 01 CFS quy định tại ghi chú (1). Chai ≥ 118ml.	4112	Không yêu cầu	Richard Allan Scientific	Mỹ	Năm 2025 trở về sau	Chai	721.098	10	7.210.980

STT mặt hàng	Phần/lô (Mã Hàng hóa)	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật (Thông số kỹ thuật)	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	ĐVT	Đơn giá kế hoạch (VND)	Số lượng mua sắm	Thành tiền mua sắm (VND)
20	CG220	Môi trường nuôi cấy và phân biệt các loại nấm	Đĩa thạch đổ sẵn chứa môi trường phân lập chọn lọc cho nấm men, nấm mốc, có bổ sung kháng sinh chọn lọc. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Hỗn hợp dịch thủy phân pepsin từ mô động vật và dịch thủy phân trypsin từ casein, Dextrose, Chloramphenicol, Agar, pH: 5,6 ± 0,2 ở 25°C. Đĩa ≥ 90mm.	LSP556	Không yêu cầu	Công ty Cổ phần SEMIND	Việt Nam	Năm 2025 trở về sau	Đĩa	8.379	60	502.740
21	CG221	Ống nghiệm có chứa chất chống đông EDTA-K2, chân không	Chất liệu: Được làm bằng nhựa y tế. Có chứa hóa chất chống đông EDTA K2. Kích thước ống (≥13mm) x (≥ 75mm). Có vạch định mức trên ống. Ống nghiệm được hút chân không.	Không yêu cầu	Không yêu cầu	Không yêu cầu	Không yêu cầu	Năm 2025 trở về sau	Cái	1.180	57.600	67.968.000
22	CG222	Ống nghiệm có chứa chất chống đông Heparin	Chất liệu: Được làm bằng nhựa y tế. Có chứa hóa chất chống đông Heparine Lithium. Kích thước ống (≥12mm) x (≥ 75mm). Có vạch định mức trên ống.	Không yêu cầu	Không yêu cầu	Không yêu cầu	Không yêu cầu	Năm 2025 trở về sau	Cái	819	57.600	47.174.400
23	CG223	Test nhanh phát hiện Helicobacter pylori	Chẩn đoán nhanh vi khuẩn Helicobacter pylori từ mẫu sinh thiết dạ dày. Ống chứa ≥ 0,3ml môi trường thạch. Thành phần: urea, agar, chỉ thị màu, Na2HPO4, KH2PO4.pH 6,8 ± 0,2.	LST145	Không yêu cầu	Công ty Cổ phần SEMIND	Việt Nam	Năm 2025 trở về sau	Ống	6.930	700	4.851.000
24	CG224	Thạch máu	Đĩa thạch đổ sẵn chứa môi trường sử dụng để nuôi cấy các loại vi sinh vật khó tính và không khó tính, không chứa các chất phụ gia hay chất bảo quản. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Peptone, Cao thịt bò, NaCl, Máu cừu đã khử fibrin, Agar; pH: 7,3 ± 0,2 ở 25°C. Đĩa ≥ 90mm.	LSP460	Không yêu cầu	Công ty Cổ phần SEMIND	Việt Nam	Năm 2025 trở về sau	Đĩa	13.335	750	10.001.250
25	CG225	Vôi Sô đa	Thành phần: Vôi sô đa.	7600064-5	Không yêu cầu	Kngmed Medikal Elektronik Saglik Hizmetleri Ve Kimyasal Maddeler Ithalat Ve Ihracat Ticaret Limited Sirketi	Thổ Nhĩ Kỳ	Năm 2025 trở về sau	Kg	83.790	297	24.885.630
Tổng cộng: 25 phần/lô, 25 mặt hàng												**1.907.722.360**

Ghi chú:

(1) Đạt tối thiểu 01 CFS là: đã được tối thiểu 01 tổ chức, nước hoặc vùng lãnh thổ cho phép lưu hành tại nước hoặc vùng lãnh thổ tương ứng: Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) - Mỹ; Cục Quản lý hàng hóa trị liệu (TGA) - Úc; Cơ quan quản lý y tế Canada (Health Canada); Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi Nhật Bản (MHLW) hoặc Cơ quan Dược phẩm và Thiết bị y tế (PMDA) - Nhật Bản; Các nước thành viên EU; Anh; Thụy Sỹ; Cục Quản lý sản phẩm y tế quốc gia cấp trung ương (National Medical Products Administration - NMPA) - Trung Quốc; Bộ An toàn thực phẩm và dược phẩm Hàn Quốc (Ministry of Food & Drug Safety - MFDS) hoặc Viện Thông tin an toàn thiết bị y tế Hàn Quốc (National Institute of Medical Device Safety Information - NIDS).